

Bản án số: 125/2021/DS-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Ông Nguyễn Như Thủy.

Thư ký phiên tòa: Trần Thị Thanh –Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh
- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 463/2020/TLST- DS ngày 09/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST, ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đông Á; Trụ sở: Số 130 Phan Đăng L, Phường 3, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật của nguyên đơn: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1984 – là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 336/QĐ-DAB-PHG ngày 07/12/2020) - có mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: 558/15 HTP, Tổ 16A, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, các bản tự khai, các biên bản ghi nhận ý kiến, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa, ông Trịnh Xuân T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đông Á (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 09/02/2015, Ngân hàng TMCP Đông Á – phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng đồng ý phê duyệt và giải ngân cho ông Đỗ Nguyễn Hữu T vay số tiền 25.000.000 đồng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015, mục đích vay: vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay: 24 tháng từ ngày 09/02/2015 đến ngày 09/02/2017, hình thức vay: vay trả góp, số tiền góp 1 kỳ là 1.250.000 đồng; lãi suất: 8,5%/năm.

Trong quá trình vay vốn ông T đã trả cho Ngân hàng số tiền là 25.344.462 đồng, trong đó nợ gốc là 21.306.962 đồng và nợ lãi là 4.037.500 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 09/02/2017 Ngân hàng đã chuyển T bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/12/2020 ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 6.213.133 đồng trong đó: Nợ gốc quá hạn là 3.693.038 đồng, nợ lãi trong hạn là 212.500 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.307.595 đồng

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu ông T thanh toán số tiền vay trên nhưng ông T vẫn cố tình không trả nợ cho Ngân hàng.

Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Nguyễn Hữu T trả ngay cho Ngân hàng TMCP Đông Á tổng số tiền còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 25/12/2020 là 6.213.133 đồng (Sáu triệu hai trăm mười ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/12/2020 đến ngày ông T trả hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015. Trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa: ông Trịnh Xuân T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Đỗ Nguyễn Hữu T trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử 25/5/2021 là 6.410.634 đồng, trong đó, nợ gốc là 3.693.038 đồng, nợ lãi trong hạn là 212.500 đồng, lãi quá hạn là 2.505.096 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra ông Đỗ Nguyễn Hữu T còn phải T toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 26/5/2021 đến ngày ông T trả hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015. Ngân hàng xác định đây là khoản tiền vay cá nhân của ông T nên chỉ yêu cầu cá nhân ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ.

Bị đơn ông Đỗ Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Đỗ Nguyễn Hữu T. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2021, nhưng ông Đỗ Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự: Bị đơn ông Đỗ Nguyễn Hữu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Đỗ Nguyễn Hữu T trả số tiền còn nợ theo “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ” ngày 26/01/2015 tính đến ngày 25/5/2021 là 6.410.634 đồng (Sáu triệu bốn trăm mười nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng). Theo kết quả xác minh của Công an Quận 7 và Công an phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì “Ông Đỗ Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 558/15 Huỳnh Tấn Phát, Tổ 16A, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bỏ đi khỏi địa phương không rõ nơi đến từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay”. Do vậy, đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp cho Tòa được các chứng cứ bảo vệ cho mình. Do vậy, căn cứ vào các Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và lấy các chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 3.693.038 đồng:

Căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015 được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á phê duyệt, giải ngân vào ngày 09/02/2015 thì ông Nguyễn Hữu T đã được giải ngân số tiền vay là 25.000.000 đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay: 24 tháng từ ngày 09/02/2015 đến ngày 09/02/2017, hình thức vay: vay trả góp, số tiền góp 1 kỳ là 1.250.000 đồng; lãi suất: 8,5%/năm.

Căn cứ Giấy cam kết ngày 16/01/2019 ông Đỗ Nguyễn Hữu T xác nhận số tiền vay là 25.000.000 đồng, số tiền còn nợ của ngân hàng đến 16/01/2019 là 5.631.815 đồng, trong đó nợ gốc là 4.305.038 đồng, nợ lãi trong hạn: 212.500 đồng; lãi quá hạn là 1.114.277 đồng.

Căn cứ Bảng thu nợ gốc khách hàng Đỗ Nguyễn Hữu T của Ngân hàng TMCP Đông Á thì đến ngày 16/3/2019 ông Đỗ Nguyễn Hữu T có trả số tiền nợ gốc là 612.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 3.693.038 đồng. Cho thấy việc Ngân hàng và ông T ký kết và thực hiện hợp đồng vay tài sản ngày 26/01/2015 là có thật.

Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á hoạt động trong các lĩnh vực theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0301442379) của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 122, Điều 123, Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Như vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....” thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả T bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/5/2021 là 3.693.038 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi:

Tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015 được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á phê duyệt, giải ngân vào ngày 09/02/2015 thì nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mức lãi suất: 8,5%/năm. Thực hiện hợp đồng ông Đỗ Nguyễn Hữu T đã trả cho ngân hàng số tiền là 25.344.462 đồng, trong đó nợ gốc là 21.306.962 đồng và nợ lãi là 4.037.500 đồng, do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 09/02/2017 Ngân hàng đã chuyển T bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào mục III phân cam kết của người vay tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015 thì bị đơn cam kết “Tôi cam kết T toán vốn và lãi đúng hạn theo quy định của DongA Bank, trường hợp T toán trễ hạn tôi đồng ý chịu thêm lãi quá hạn theo quy định của DongA Bank. Nếu đến hạn T toán mà tôi không trả nợ vay đầy đủ thì DongA bank được quyền chuyển T bộ số tiền còn nợ vay sang nợ quá hạn trong ngày đó và chịu mức lãi suất phạt quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn”.

Căn cứ khoản 1 Điều 476 bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “ 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.”

Căn cứ Khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á có chức năng hoạt động tín dụng theo Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và phần lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 25/5/2021, gồm nợ lãi trong hạn là 212.500 đồng, lãi quá hạn là 2.505.096 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2021 cho đến khi ông T trả hết nợ theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ T toán đã lâu làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041948, ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận T bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Nguyễn Hữu T.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á.

2.1. Buộc bị đơn ông Đỗ Nguyễn Hữu T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á tổng số tiền là 6.410.634 (sau triệu bốn trăm mười nghìn, sáu trăm ba mươi bốn) đồng, trong đó, nợ gốc là 3.693.038 (Ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn không trăm ba mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn là 212.500 (Hai trăm mười hai nghìn, năm trăm) đồng, lãi quá hạn là 2.505.096 (Hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn, không trăm chín mươi sáu) đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2.2. Kể từ ngày 26/5/2021 ông Đỗ Nguyễn Hữu T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa T toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2015 cho đến khi T toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Nguyễn Hữu T phải chịu 320.532 (ba trăm hai mươi nghìn năm trăm ba mươi hai) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á số tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041948, ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ. (TK. T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang